

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thi Thị Ngọc Hạnh.

2. Ông Lê Văn Chài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Thành - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc P - Sinh năm 1987 - Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Lê Thị X - Sinh năm 1987 - Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19-5-2022, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Quốc P trình bày:

Ông và bà X tổ chức đám cưới năm 2008, có đăng ký kết hôn ngày 08-7-2008 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Ông bà sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã mất hạnh phúc gia đình. Mặc dù đã cho nhau cơ hội để hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Ông bà đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ

chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ giải quyết cho ông các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Ông yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị X.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc K, sinh ngày 05-01-2006 và Nguyễn Thị Xuân N, sinh ngày 17-10-2011. Hai con chung hiện đang sống với ông. Khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu bà X phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn ông P có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà X vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Quốc P khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Lê Thị X, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bà X được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng bà không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của bà, không có mặt để tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Ông Nguyễn Quốc P và bà Lê Thị X chung sống có đăng ký kết hôn ngày 08-7-2008 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà X là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của ông P, Hội đồng xét xử nhận định: Ông P cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau trong mọi mặt cuộc sống, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã mất hạnh phúc gia đình. Bà X vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên không có căn cứ xem xét; qua lời trình bày của ông P, Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa ông P và bà X đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện ông bà đã sống ly thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó, việc ông P yêu cầu ly hôn với bà X là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Ông P yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Thị Trúc K, sinh ngày 05-01-2006 và cháu Nguyễn Thị Xuân N, sinh ngày 17-10-2011, hiện

đang sống với ông P. Xét từ khi ông P và bà X sống ly thân, con chung do ông P nuôi dưỡng, con chung có nguyện vọng sống với ông P. Bà X vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không tranh chấp về quyền nuôi con chung. Vì vậy, nên giao con chung cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét việc ông P không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[6] Về chia tài sản chung và nợ chung: ông P trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[8] Ông P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Ông P đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, các Điều 51, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc P được ly hôn với bà Lê Thị X.

2. Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Quốc P được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Thị Trúc K, sinh ngày 05-01-2006 và Nguyễn Thị Xuân N, sinh ngày 17-10-2011 - hiện con chung đang sống với ông P. Bà Lê Thị X không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Ông P được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, ông P và bà X có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu thay đổi khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã

nộp (theo biên lai thu số 0005218 ngày 31-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Ông P đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Trần Thị Gái